TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/11/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Nguyễn Hồng Nguyên.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 02/11/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú tại số nhà X, đường B Đ, Phường Y, quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Công Th, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú tại số nhà 18, Tổ 1, ấp P M, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018, lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/01/2005 của Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không chăm lo lao động, thường có lời nói sai, đánh nguyên đơn, nên nguyên đơn đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ly thân từ năm 2015 đến nay.

Vợ chồng có 02 người con: Nguyễn A B, sinh ngày 04/5/2007 và Nguyễn H G, sinh ngày 15/5/2012; các con đang sinh sống, cư trú với bị đơn nhưng nguyên đơn vẫn thường xuyên góp tiền để bị đơn nuôi con.

Tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng các con (nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng).

Vợ chồng không có nợ chung và tài tài sản chung không có tranh chấp nên không khởi kiện.

*Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn, bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng không gửi tài liệu, chứng cứ đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không hòa giải vụ án được theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại chính quyền địa phương và thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1, 203, 205, 227 khoản 1 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà T được ly hôn ông Th; giao: Nguyễn A B, sinh ngày 04/5/2007 và Nguyễn H G, sinh ngày 15/5/2012 để bị đơn người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; nguyên đơn (T) cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng trên tháng; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, đồng ý để bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng các con nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại địa bàn hành chính xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đến Tòa án đề nghị xét xử vụ án vắng nguyên đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa các đương sự là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Qua ý kiến trình bày của nguyên đơn và tài liệu xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương, thì sau khi kết hôn các đương sự sống chung đến đầu năm 2015. Thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, bạo lực trong quan hệ vợ chồng. Từ năm 2015 nguyên đơn không còn sống chung với bị đơn. Các đương sự ly thân đã qua thời gian dài.

Xét, nguyên đơn và bị đơn trong thời gian sống chung thường xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2015; Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện ý chí của bị đơn không mong muốn hòa giải để vợ chồng không phải ly hôn.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bị đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng các con nêu trên và nguyên đơn đồng ý để bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng các con, nguyên đơn sẽ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con là phù hợp với quy định của pháp luật sẽ không làm thay đổi nơi cư trú, nơi ăn, ở, học tập bình thường đối với các người con của các đương sự.

[2.3] Nguyên đơn trình bày ý kiến trong đơn khởi kiện: Nợ chung không có; tài sản chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án chưa nhận được ý kiến (yêu cầu) của bị đơn nên không thụ lý giải quyết quan hệ tài sản giữa các đương sự. Khi nào đương sự khởi kiện thì Tòa án giải quyết tranh chấp bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T:

**Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Công Th.

**Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:*

Bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với Nguyễn A B, sinh ngày 04/5/2007 và Nguyễn H G, sinh ngày 15/5/2012; nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), tính đến ngày con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp không khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết.

* *Về án phí*:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007130 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai);

Nguyên đơn còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo bản án*: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Trung(KH 2005);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính